

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Khoản 4 Điều 397; Khoản 1, 2 Điều 212; Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1, Khoản 3 Điều 37 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, nộp án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 329/2023/TLST-HNGĐ ngày 25/07/2023, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” giữa:

Người yêu cầu:

Anh **Lê Tiến H** - Sinh năm 1977. CCCD số 03507xxxx239 cấp ngày 08/12/2021 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH.

Chị **Phạm Thị T** - Sinh năm 1978. CCCD số 03017xxxx141 cấp ngày 25/04/2021 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH.

Cùng trú tại: Số 40, ngách 36, ngõ 58, phố B, tổ 23, phường M, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Tiến H tự nguyện kết hôn với chị Phạm Thị T, có đăng ký kết hôn ngày 31/05/2001 tại Ủy ban nhân dân phường M, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn từ tháng 05 năm 2017. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị là do bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống chung không được hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh H và chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, cùng đề nghị Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy công nhận việc thuận tình ly hôn của anh chị.

Xét thấy: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Tiến H và chị Phạm Thị T là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội và phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh Lê Tiến H và chị Phạm Thị T có 02 con chung là cháu Lê Tuyết M (Giới tính: Nữ) - Sinh ngày 01/10/2001 (Mặc dù chị T mang thai cháu M trước

khi anh H và chị T đăng ký kết hôn nhưng anh chị cùng khẳng định cháu Mai là con chung của anh chị) và cháu Lê Gia H1 (Giới tính: Nam) - Sinh ngày 03/04/2013. Khi ly hôn anh H và chị T thỏa thuận như sau: Cháu M đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, việc cháu M ở với ai là do cháu M tự quyết định, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu H1 sẽ do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh H có trách nhiệm cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng.

Xét thấy: Thỏa thuận của anh chị phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của con chung nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung (Động sản và bất động sản): Anh Lê Tiến H và chị Phạm Thị T cùng xác nhận tài sản chung của vợ chồng không có. Khi ly hôn, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Lê Tiến H và chị Phạm Thị T thống nhất xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về chỗ ở mới sau ly hôn: Anh Lê Tiến H và chị Phạm Thị T tự lo nơi ở mới sau ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về lệ phí: Chị Phạm Thị T tự nguyện nhận nộp cả 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Lê Tiến H nhất trí.

Ngoài ra, anh Lê Tiến H và chị Phạm Thị T không có yêu cầu nào khác.

Xét thấy: Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 31 tháng 07 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Tiến H và chị Phạm Thị T. Giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 31/05/2001 của Ủy ban nhân dân phường M, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội không còn hiệu lực kể từ ngày ra quyết định này.

- **Về con chung:** Xác nhận anh Lê Tiến H và chị Phạm Thị T có 02 con chung là cháu Lê Tuyết M (Giới tính: Nữ) - Sinh ngày 01/10/2001 (Xác nhận cháu M là con chung của anh H và chị T) và cháu Lê Gia H1 (Giới tính: Nam) - Sinh ngày 03/04/2013. Cháu M đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, việc cháu M ở với ai là do cháu M tự quyết định, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét. Khi ly hôn giao chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H1. Anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung (cháu H1) là 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ tròn 18 tuổi, hoặc các bên có sự thay đổi khác.

Anh Lê Tiến H được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị Phạm Thị T và những người thân trong gia đình chị T không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung (Động sản và bất động sản):** Anh Lê Tiến H và chị Phạm Thị T cùng xác nhận tài sản chung của vợ chồng không có. Khi ly hôn, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không giải quyết.

- **Về nợ chung:** Anh Lê Tiến H và chị Phạm Thị T thống nhất xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Tòa án không giải quyết.

- **Về chỗ ở mới sau ly hôn:** Anh Lê Tiến H và chị Phạm Thị T tự lo nơi ở mới sau ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Toà án không giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị T nộp cả 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí ly hôn sơ thẩm chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2020/0019602 ngày 19 tháng 07 năm 2023.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND.TP.Hà Nội
- Dương sự;
- VKSND Q.Cầu Giấy;
- Chi cục THADS Q. Cầu Giấy;
- UBND phường M;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Lương